

Số: 13 /2023/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 07 tháng 04 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn triển khai nội dung Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định ban hành quy định Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2019-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 132/TTr-SNN ngày 06 tháng 4 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20.. tháng 4.. năm 2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động – Thương binh và Xã hội, Y tế;
- Ủy ban dân tộc;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐ + CVVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, K10

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

QUY ĐỊNH

Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số /2023/QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Chương II**QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 3. Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

1. Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

1.1. Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị

a) Nội dung hỗ trợ

- Đào tạo kỹ thuật sản xuất; tập huấn nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường.

- Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

- Vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi.

- Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

b) Mẫu hồ sơ: Thực hiện theo Mẫu số 01, 02, 03, 04, 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (sau đây viết tắt là Nghị định số 98/2018/NĐ-CP).

c) Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (sau đây viết tắt là Nghị định số 27/2022/NĐ-CP) và điểm c khoản 4 Điều 19 Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

1.2. Hỗ trợ phát triển vùng dược liệu quý

a) Nội dung hỗ trợ

- Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nguyên liệu, ưu tiên hỗ trợ các dự án nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân sinh sống trên địa bàn thực hiện dự án để hình thành vùng nguyên liệu.

- Hỗ trợ đầu tư các khu, vùng nuôi trồng dược liệu ứng dụng công nghệ cao để xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị và xử lý môi trường.

- Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, đường giao thông kết nối đạt chuẩn cấp V miền núi, hệ thống điện, cấp thoát nước để phục vụ dự án phát triển vùng nguyên liệu.

- Hỗ trợ kinh phí đầu tư để cải tạo xây dựng cơ sở chế biến dược liệu quý để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện nước, nhà xưởng và mua thiết bị trong hàng rào dự án.

- Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở bảo quản dược liệu quý gồm sấy, chiếu xạ, khử trùng, đông lạnh, bảo quản sinh học, hạ tầng về giao thông, điện, nước, xử lý chất thải, nhà xưởng và thiết bị.

- Hỗ trợ doanh nghiệp trực tiếp đào tạo nghề cho lao động tại chỗ.

- Hỗ trợ chi phí quảng cáo, xây dựng thương hiệu sản phẩm chủ lực quốc gia và cấp tỉnh.

- Hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, mua bản quyền công nghệ, mua công nghệ hoặc mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công

nghe để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến công nghệ, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng.

- Hỗ trợ chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

- Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm.

- Nhà nước hỗ trợ chi phí sản xuất giống gốc và chi phí sản xuất giống thương phẩm đối với các dự án Trung tâm nhân giống ứng dụng công nghệ cao.

b) Mẫu hồ sơ: Thực hiện theo Mẫu B1.1, B1.2, B1.3, B1.4, B1.5, B1.6, B1.7 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn triển khai nội dung Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (sau đây viết tắt là Thông tư số 10/2022/TT-BYT).

c) Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án: Thực hiện theo quy định tại điểm a, b, c khoản 3 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và khoản 3 Điều 10 Thông tư số 10/2022/TT-BYT.

2. Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

2.1. Nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

- Nội dung hỗ trợ dự án phát triển sản xuất nông nghiệp

+ Thực hiện hỗ trợ tập huấn kỹ thuật; hỗ trợ cán bộ đến tận hộ gia đình tư vấn chuyển giao kỹ thuật theo các lĩnh vực quy định dưới đây.

+ Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp theo các lĩnh vực sau:

- Trồng trọt: Giống cây trồng, giá thể trồng cây, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chế phẩm sinh học, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch.

- Chăn nuôi: Con giống, chuồng trại, thức ăn chăn nuôi, vắc xin, thuốc thú y phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi, chế phẩm sinh học, hóa chất khử trùng, tiêu độc môi trường chăn nuôi, công cụ, dụng cụ sản xuất.

- Lâm nghiệp: Giống cây trồng lâm nghiệp, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón.

- Khai thác ngư nghiệp: Hỗ trợ hàm bảo quản thủy sản khai thác trên tàu cá; ngư cụ đánh bắt.

- Nuôi trồng thủy sản: Hỗ trợ giống, thức ăn, vắc xin, hóa chất xử lý môi trường nuôi, chế phẩm sinh học, công cụ, dụng cụ sản xuất, lồng bè nuôi trồng thủy sản, cải tạo diện tích nuôi trồng thủy sản.

- Diêm nghiệp: Hỗ trợ vật tư, công cụ, dụng cụ trong sản xuất, chế biến muối.
- + Hỗ trợ xây dựng, quản lý dự án và các hỗ trợ khác theo định mức kinh tế, kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành.
- Nội dung hỗ trợ dự án phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng
- + Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật; hỗ trợ cán bộ đến tận hộ gia đình tư vấn chuyển giao kỹ thuật, kiến thức sản xuất nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng, sản xuất nông nghiệp an toàn, sử dụng lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng theo tài liệu hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- + Hỗ trợ theo các lĩnh vực được quy định tại tiểu tiết 2 tiết 1 điểm này để phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng.
- + Hỗ trợ vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất trong sơ chế, chế biến, bảo quản lương thực, thực phẩm để nâng cao giá trị nông sản, an toàn thực phẩm và đảm bảo dinh dưỡng.
- + Hỗ trợ xây dựng, quản lý dự án và các hỗ trợ khác theo định mức kinh tế, kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

b) Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

- Tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường.
- Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ.
- Vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi.
- Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.
- Hỗ trợ chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chi phí thiết lập mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm.
- Xây dựng, quản lý dự án.

2.2. Mẫu hồ sơ: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (sau đây viết tắt là Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH).

2.3. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH.

3. Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

a) Nội dung hỗ trợ

- Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết.
- Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết.
- Xây dựng mô hình khuyến nông.
- Đào tạo nghề, tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường.
- Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của hợp tác xã.
- Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.
- Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

b) Mẫu hồ sơ: Thực hiện theo Mẫu số 01, 02, 03, 04, 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP.

c) Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

Điều 4. Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

1. Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

a) Nội dung hỗ trợ

- Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm.
- Vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi.
- Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ; truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm.

b) Mẫu hồ sơ: Thực hiện theo Mẫu số 01, 02, 03, 04 Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

c) Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, phương án: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

2. Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

2.1. Nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

- Nội dung hỗ trợ dự án phát triển sản xuất nông nghiệp

+ Thực hiện hỗ trợ tập huấn kỹ thuật; hỗ trợ cán bộ đến tận hộ gia đình tư vấn chuyển giao kỹ thuật theo các lĩnh vực quy định dưới đây.

+ Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp theo các lĩnh vực sau:

- Trồng trọt: Giống cây trồng, giá thể trồng cây, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chế phẩm sinh học, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch.

- Chăn nuôi: Con giống, chuồng trại, thức ăn chăn nuôi, vắc xin, thuốc thú y phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi, chế phẩm sinh học, hóa chất khử trùng, tiêu độc môi trường chăn nuôi, công cụ, dụng cụ sản xuất.

- Lâm nghiệp: Giống cây trồng lâm nghiệp, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón.

- Khai thác ngư nghiệp: Hỗ trợ hàm bảo quản thủy sản khai thác trên tàu cá; ngư cụ đánh bắt.

- Nuôi trồng thủy sản: Hỗ trợ giống, thức ăn, vắc xin, hóa chất xử lý môi trường nuôi, chế phẩm sinh học, công cụ, dụng cụ sản xuất, lồng bè nuôi trồng thủy sản, cải tạo diện tích nuôi trồng thủy sản.

- Diêm nghiệp: Hỗ trợ vật tư, công cụ, dụng cụ trong sản xuất, chế biến muối.

+ Hỗ trợ xây dựng, quản lý dự án và các hỗ trợ khác theo định mức kinh tế, kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

- Nội dung hỗ trợ dự án phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng

+ Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật; hỗ trợ cán bộ đến tận hộ gia đình tư vấn chuyển giao kỹ thuật, kiến thức sản xuất nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng, sản xuất nông nghiệp an toàn, sử dụng lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng theo tài liệu hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ Hỗ trợ theo các lĩnh vực được quy định tại tiểu tiết 2 tiết 1 điểm này để phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng.

+ Hỗ trợ vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất trong sơ chế, chế biến, bảo quản lương thực, thực phẩm để nâng cao giá trị nông sản, an toàn thực phẩm và đảm bảo dinh dưỡng.

+ Hỗ trợ xây dựng, quản lý dự án và các hỗ trợ khác theo định mức kinh tế, kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

b) Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

- Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ.

- Vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi.

- Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

- Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm.

- Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả.

- Tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương do thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi dự toán được giao.

- Xây dựng, quản lý dự án.

2.2. Mẫu hồ sơ: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐT BXH.

2.3. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, phương án: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐT BXH.

Điều 5. Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn đơn vị đặt hàng hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ (đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025)

1. Nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

- Nội dung hỗ trợ dự án phát triển sản xuất nông nghiệp

+ Thực hiện hỗ trợ tập huấn kỹ thuật; hỗ trợ cán bộ đến tận hộ gia đình tư vấn chuyên gia kỹ thuật theo các lĩnh vực quy định dưới đây.

+ Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp theo các lĩnh vực sau:

- Trồng trọt: Giống cây trồng, giá thể trồng cây, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chế phẩm sinh học, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch.

- Chăn nuôi: Con giống, chuồng trại, thức ăn chăn nuôi, vắc xin, thuốc thú y phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi, chế phẩm sinh học, hóa chất khử trùng, tiêu độc môi trường chăn nuôi, công cụ, dụng cụ sản xuất.

- Lâm nghiệp: Giống cây trồng lâm nghiệp, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón.

- Khai thác ngư nghiệp: Hỗ trợ hàm bảo quản thủy sản khai thác trên tàu cá; ngư cụ đánh bắt.

- Nuôi trồng thủy sản: Hỗ trợ giống, thức ăn, vắc xin, hóa chất xử lý môi trường nuôi, chế phẩm sinh học, công cụ, dụng cụ sản xuất, lồng bè nuôi trồng thủy sản, cải tạo diện tích nuôi trồng thủy sản.

- Diêm nghiệp: Hỗ trợ vật tư, công cụ, dụng cụ trong sản xuất, chế biến muối.

+ Hỗ trợ xây dựng, quản lý dự án và các hỗ trợ khác theo định mức kinh tế, kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

- Nội dung hỗ trợ dự án phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng

+ Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật; hỗ trợ cán bộ đến tận hộ gia đình tư vấn chuyển giao kỹ thuật, kiến thức sản xuất nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng, sản xuất nông nghiệp an toàn, sử dụng lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng theo tài liệu hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ Hỗ trợ theo các lĩnh vực được quy định tại tiểu tiết 2 tiết 1 điểm này để phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng.

+ Hỗ trợ vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất trong sơ chế, chế biến, bảo quản lương thực, thực phẩm để nâng cao giá trị nông sản, an toàn thực phẩm và đảm bảo dinh dưỡng.

+ Hỗ trợ xây dựng, quản lý dự án và các hỗ trợ khác theo định mức kinh tế, kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

b) Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

- Tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường.

- Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ.

- Vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi.

- Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

- Hỗ trợ chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chi phí thiết lập mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm.

- Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả.

- Tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương do thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi dự toán được giao.

- Xây dựng, quản lý dự án.

2. Mẫu hồ sơ: Thực hiện theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH.

3. Trình tự xây dựng, phê duyệt dự án: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH.

4. Lựa chọn đơn vị đặt hàng, giao nhiệm vụ: Thực hiện theo quy định tại các Điều 9, 10, 12, 13 và 14 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh hướng dẫn, triển khai thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia, bao gồm: Nội dung số 01 (Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị) thuộc Tiểu dự án 2 Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Tiểu dự án 1 (Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp) thuộc Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và các dự án liên kết, kế hoạch liên kết, chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 theo đúng Quy định này.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành hướng dẫn, triển khai thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 theo đúng Quy định này.

3. Sở Y tế

Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh hướng dẫn, triển khai thực hiện hoạt động hỗ trợ vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 theo đúng Quy định này.

4. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn thủ tục, hồ sơ thanh quyết toán các dự án, mô hình, kế hoạch liên kết, phương án sản xuất theo đúng quy định.

5. Các sở, ban, ngành có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ phối hợp triển khai thực hiện Quy định này.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Chỉ đạo các cơ quan Chủ trì dự án cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện và hướng dẫn Chủ trì liên kết, tổ, nhóm cộng đồng xây dựng, lập hồ sơ dự án, mô hình, kế hoạch liên kết, phương án sản xuất theo đúng Quy định này.

b) Chỉ đạo vận động người dân trên địa bàn tham gia các dự án, mô hình, kế hoạch liên kết, phương án sản xuất.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Trong trường hợp các văn bản viện dẫn ở Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có sự thay đổi, điều chỉnh các nội dung quy định, các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số /2023/QĐ-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

Mẫu số 01	Đơn đề nghị hỗ trợ dự án/phương án phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025
Mẫu số 02	Biên bản họp dân
Mẫu số 03	Đề cương xây dựng dự án/phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng
Mẫu số 04	Bản cam kết của hộ gia đình tham gia dự án/phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

Mẫu số 01: Đơn đề nghị hỗ trợ dự án/phương án phát triển sản xuất cộng đồng

TỔ, NHÓM CỘNG ĐỒNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**V/v hỗ trợ dự án/phương án phát triển sản xuất cộng đồng
thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc
thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025**

Kính gửi: UBND xã

Căn cứ Biên bản họp dân ngày tháng năm

Tổ, nhóm cộng đồng:

Người đại diện (Tổ trưởng/nhóm trưởng):

Số CCCD/CMND: Ngày cấp Nơi cấp

Địa chỉ:

Điện thoại:

Căn cứ chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng của Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, (tên Tổ, nhóm cộng đồng) đề nghị UBND xã xem xét tổng hợp trình UBND huyện thẩm định dự án/phương án phát triển sản xuất cộng đồng, như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dự án/phương án:.....

2. Địa bàn thực hiện:

3. Số hộ tham gia:

4. Tiến độ thực hiện dự kiến:

II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Nội dung đề nghị hỗ trợ:

.....

.....

.....

2. Tổng vốn, kinh phí đề nghị hỗ trợ

Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm):

III. CAM KẾT: (tên Tổ, nhóm cộng đồng) cam kết:

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây.
2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.
3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các hộ dân theo nội dung đã đăng ký và dự án/phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
4. Thực hiện hoàn trả một phần kinh phí theo quy định của dự án đã được phê duyệt cho chủ đầu tư để thực hiện luân chuyển cho các đối tượng thụ hưởng khác.
5. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm):/.

ĐẠI DIỆN TỔ, NHÓM CỘNG ĐỒNG
(Ký, ghi họ tên)

Mẫu số 02: Biên bản họp dân

UBND XÃ
Thôn/làng.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

(Tên thôn/làng), ngày tháng năm

BIÊN BẢN HỌP DÂN

Hôm nay, vào lúc giờ ngày tháng năm 20...., tại (ghi rõ địa điểm tổ chức họp) thôn/làng đã tổ chức họp để: (nêu mục đích cuộc họp).

I. Thành phần tham dự

- Chủ trì cuộc họp: (ghi rõ họ, tên, chức danh người chủ trì).
- Thư ký cuộc họp: (ghi rõ họ, tên, chức danh).
- Thành phần tham gia:
 - + Đại diện UBND xã, các tổ chức, đoàn thể xã
 - + Hội đoàn thể thôn/làng
 - + Số lượng hộ tham gia:hộ, trong đó: hộ nghèo, hộ cận nghèo.

II. Nội dung cuộc họp

1. Phổ biến chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình, mức chi hỗ trợ dự án/phương án sản xuất, dự kiến đề xuất nhu cầu thực hiện dự án/phương án hỗ trợ phát triển sản xuất của thôn/làng,....;

2. Thảo luận lựa chọn tên dự án/phương án, nội dung, đối tượng tham gia dự án/phương án, phương thức hỗ trợ và cơ chế đóng góp khi tham gia dự án/phương án, cơ chế quay vòng vốn;

3. Bình xét, lựa chọn hộ đủ điều kiện tham gia dự án/phương án (hộ tham gia dự án/phương án phải đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án/phương án và cam kết đảm bảo phân đối ứng thực hiện dự án/phương án).

4. Thành lập Tổ, nhóm cộng đồng (áp dụng đối với thôn/làng chưa có Tổ, nhóm cộng đồng) và bầu ra tổ trưởng/trưởng nhóm làm người đại diện, tổ phó/phó nhóm và các thành viên.

(Thành lập Tổ, nhóm cộng đồng phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực thực hiện dự án, mô hình có trên 70% người dân tham gia là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo. Có thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi).

III. Kết quả cuộc họp

Sau khi triển khai và thảo luận, chúng tôi thống nhất:

- Tên dự án, nội dung dự án, đối tượng tham gia dự án; tổng chi phí dự án, đề nghị mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, phần đóng góp của các thành viên tổ, nhóm khi tham gia dự án.

- Phương thức tổ chức thực hiện dự án/phương án.

- Thành lập Tổ, nhóm cộng đồng (tên tổ, nhóm cộng đồng)
thực hiện dự án/phương án hỗ trợ phát triển sản xuất do ông (bà) làm tổ trưởng/trưởng nhóm làm đại diện. Tổ, nhóm cộng đồng gồm thành viên theo danh sách cụ thể sau:

TT	Tên thành viên tham gia dự án	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ	Thuộc đối tượng (hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ DTTS, người có công với cách mạng, hộ khác)	Số CCCD/CMND	Chức danh	Nội dung đăng ký hỗ trợ	Kinh phí đề nghị hỗ trợ (triệu đồng)	Đối ứng của hộ (ghi rõ bằng tiền hoặc hiện vật)	Ký xác nhận hoặc dấu tay - điểm chỉ
1						Tổ trưởng/trưởng nhóm				
2						Tổ phó/phó nhóm				
3						Thành viên				
...										

Cuộc họp kết thúc vào lúc ... giờ ... cùng ngày. Nội dung cuộc họp đã được các thành viên dự họp thống nhất thông qua và cùng ký tên vào biên bản. Biên bản này được dùng làm căn cứ để xây dựng dự án/phương án hỗ trợ phát triển sản xuất/.

Thư ký
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Tổ, nhóm cộng đồng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện UBND xã
(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ trì
(Trưởng thôn/làng)
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 03: Đề cương xây dựng dự án/phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ...tháng.....năm.....

TÊN DỰ ÁN/PHƯƠNG ÁN

1. Đại diện Tổ, nhóm cộng đồng (gồm: tên người đại diện, số CCCD hoặc CMND, địa chỉ liên hệ, số điện thoại liên lạc).

2. Tên dự án/phương án:

3. Mục tiêu dự án/phương án (mục tiêu chung; mục tiêu cụ thể; dự kiến số hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo khi tham gia):

4. Đối tượng tham gia: hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ khác (có danh sách kèm theo)

5. Thời gian triển khai: Thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc

6. Địa bàn thực hiện: Tại thôn, xã, huyện, tỉnh

7. Chủ đầu tư dự án/phương án:

8. Nội dung dự án/phương án:

a) Kỹ thuật thực hiện dự án/phương án, quy trình sản xuất, định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng (*nêu rõ các yêu cầu chi tiết về mặt kỹ thuật liên quan đến hoạt động dự án/phương án. Ví dụ: tên giống, chủng loại, yêu cầu chất lượng, số lượng hỗ trợ, các loại vật tư, thiết bị cần thiết, quy trình kỹ thuật áp dụng,...*).

b) Các hoạt động của dự án/phương án:

- Công tác chuẩn bị: Tổ chức họp dân xét chọn đối tượng đủ điều kiện tham gia dự án/phương án; công tác chuẩn bị đất đai, chuồng trại,...

- Tổ chức cung ứng giống, vật tư.

- Tổ chức tập huấn kỹ thuật.

- Tổ chức thực hiện sản xuất.

- Tổ chức tiêu thụ sản phẩm (liên kết tiêu thụ với doanh nghiệp, HTX).

- Kiểm tra, giám sát, tổng kết dự án/phương án.

-

9. Tiến độ thực hiện dự án/phương án.

10. Dự toán kinh phí thực hiện dự án/phương án; nguồn kinh phí thực hiện

TT	Nội dung (Chi tiết theo nội dung được hỗ trợ của từng dự án/phương án)	Đơn vị tính	Tổng dự toán			Chia ra các nguồn			
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (triệu đồng)	Ngân sách nhà nước hỗ trợ (triệu đồng)	Đóng của người dân (triệu đồng)	Vay vốn tín dụng ưu đãi (triệu đồng)	Nguồn khác (triệu đồng)
1									
2									
3									
4									
5									
...									
	Tổng cộng (1+2+3+4+5+...)								

Chi tiết các năm (nếu hỗ trợ trong nhiều năm):

11. Hình thức, mức quay vòng vốn luân chuyển trong cộng đồng:

- Hình thức thu hồi: Bằng tiền mặt hoặc hiện vật.
- Mức kinh phí thu hồi: triệu đồng/hộ hoặc
- Thời gian thu hồi:
- Giải pháp thu hồi, cách thức quản lý:

12. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện của dự án/phương án

a) Sản phẩm thu được của dự án/phương án:

b) Hiệu quả thực hiện:

- Nâng cao thu nhập cho hộ.
- Số hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo
-

13. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có):

14. Tổ chức thực hiện dự án/phương án:

- Trách nhiệm của các đối tượng tham gia dự án.

- Trách nhiệm của UBND cấp xã, Trưởng thôn/làng.

- Trách nhiệm của

15. Các nội dung liên quan khác...../.

ĐẠI DIỆN TỔ, NHÓM CỘNG ĐỒNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 04: Bản cam kết của hộ gia đình tham gia dự án/phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Tên xã), ngày tháng năm

BẢN CAM KẾT CỦA HỘ GIA ĐÌNH
Tham gia dự án/phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

Họ và tên chủ hộ:

Địa chỉ:

Số CCCD/CMND: Ngày cấp Nơi cấp

Điện thoại:

TÔI XIN CAM KẾT NHƯ SAU:

1. Tự nguyện, tích cực tham gia thực hiện vào các nội dung của dự án/phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án/phương án.

3. Cam kết đảm bảo phần đối ứng của gia đình tham gia thực hiện dự án/phương án và thực hiện luân chuyển bằng hiện vật hoặc tiền phần quay vòng vốn theo phê duyệt dự án/phương án của cấp có thẩm quyền.

4. Nếu vi phạm cam kết, tôi xin chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Cam kết này được lập thành 03 bản có giá trị như nhau, UBND xã giữ 01 bản; Tổ trưởng/nhóm trưởng giữ 01 bản, hộ gia đình giữ 01 bản./.

Đại diện Tổ/nhóm cộng đồng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện hộ gia đình
(Ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của UBND xã
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)